|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ph**ụ lục 3: Bản tổng hợp ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản**  *(kèm theo công văn số 35/CHK-QLHĐB ngày 03/01/2025 của Cục HKVN)* | | | |
| **STT** | **Cơ quan, đơn vị**  **góp ý kiến** | **Nội dung góp ý kiến** | **Tiếp thu, giải trình của**  **Cơ quan chủ trì soạn thảo (Cục HKVN)** |
| **1.** | **Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam**  *(Văn bản số 8173/QLB-VPTCT ngày 04/12/2024)* | Đề nghị xây dựng Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT quy định về nhân viên hàng không;đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT), cụ thể về một số nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện của Phụ lục số 05 quy định về chương trình nhân viên hàng không, đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không - áp dụng đối với nhân viên không lưu *(kiểm soát viên không lưu làm việc tại các cơ sở kiểm soát tại sân bay, tiếp cận, đường dài)* như sau: | 1. Vì đây là Thông tư sửa đổi, bổ sung, do đó Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Thông tư này giữ nguyên như quy định tại Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT. Do đó dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung không có điều quy định về Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.  2. Tiếp thu ý kiến góp ý của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam về nội dung sửa đổi, bổ sung, Cục HKVN sẽ soạn thảo dự thảo. |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:**  1. Phạm vi điều chỉnh:  Thông tư này quy định về nhân viên hàng không và công tác đào tạo, huấn luyện, sát hạch nhân viên hàng không nhóm bảo đảm hoạt động bay (nhân viên không lưu).  2. Đối tượng áp dụng:  Thông tư này áp dụng đối với:  a) Nhân viên huấn luyện năng định:  Học viên cần đáp ứng điều kiện tham gia kỳ sát hạch để được cấp phép, năng định tại vị trí công việc chuyên môn kiểm soát đường dài không có giám sát ATS/giám sát ATS.  b) Nhân viên không lưu chuyển loại năng định:  - Từ các vị trí kiểm soát không lưu về vị trí kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS;  - Từ vị trí kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS sang vị trí kiểm soát tiếp cận giám sát ATS;  - Từ các vị trí kiểm soát không lưu về vị trí kiểm soát đường dài không có giám sát ATS;  - Từ vị trí kiểm soát đường dài không có giám sát ATS sang vị trí kiểm soát đường dài giám sát ATS.  c) Các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không nhóm bảo đảm hoạt động bay. |
| **Điều 2.** **Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư 35/2021/TT-BGTVT ngày 17/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 10/2018/TT-BGTVT ngày 14/3/2018 về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không như sau:**  1. Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 02 tại mục 4 Phần B Chương trình huấn luyện năng định của Phụ lục 05:   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Số TT** | **Nội dung** | **Thời lượng**  **tối thiểu (tiết)** | **Trong đó** | | | **Ôn tập, kiểm tra** | | **Lý thuyết** | **Thực hành** | **OJT** | | **I** | **Nhân viên không lưu** |  |  |  |  |  | | 2 | Kiểm soát đường dài không có giám sát ATS/giám sát ATS | 1600 | 320 | 640 | 560 | 80 |   2. Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 01, 02, 04 và 05; bổ sung phần chú thích nhằm làm rõ một số chương trình huấn luyện chuyển loại năng định tại mục 4 Phần C Chương trình huấn luyện chuyển loại năng định của Phụ lục 05:   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Số TT** | **Nội dung** | **Thời lượng**  **tối thiểu (tiết)** | **Trong đó** | | | **Ôn tập, kiểm tra** | | **Lý thuyết** | **Thực hành** | **OJT** | | **I** | **Nhân viên không lưu** |  |  |  |  |  | | 1 | Từ các vị trí kiểm soát không lưu về vị trí kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS | 355 | 95 | 160 | 90 | 10 | | 2 | Từ vị trí kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS sang vị trí kiểm soát tiếp cận giám sát ATS | 220 | 40 | 80 | 90 | 10 | | 4 | Từ các vị trí kiểm soát không lưu về vị trí kiểm soát đường dài không có giám sát ATS | 390 | 80 | 120 | 180 | 10 | | 5 | Từ vị trí kiểm soát đường dài không có giám sát ATS sang vị trí kiểm soát đường dài giám sát ATS | 220 | 40 | 80 | 90 | 10 |   *Ghi chú:*  - Đối với nhân viên không lưu chuyển loại từ các vị trí kiểm soát không lưu sang vị trí kiểm soát tiếp cận giám sát ATS:  *+ Huấn luyện chương trình tại số thứ tự 01 Mục 4 Phần C Phụ lục 05: Huấn luyện lý thuyết và thực hành, sau đó ôn tập và kiểm tra; không thực tập tại vị trí làm việc (OJT) do hiện tại không có môi trường thực tập OJT; không yêu cầu năng định kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS;*  *+ Tiếp tục huấn luyện chuyển loại sang vị trí kiểm soát tiếp cận giám sát ATS tại số thứ tự 02 Mục 4 Phần C Phụ lục 05), sau đó tham dự sát hạch năng định kiểm soát tiếp cận giám sát ATS.*  - Đối với nhân viên không lưu chuyển loại từ các vị trí kiểm soát không lưu sang vị trí kiểm soát đường dài giám sát ATS:  *+ Huấn luyện chương trình tại số thứ tự 04 Mục 4 Phần C Phụ lục 05: Huấn luyện lý thuyết và thực hành, sau đó ôn tập và kiểm tra; không thực tập tại vị trí làm việc (OJT) do hiện tại không có môi trường thực tập OJT; không yêu cầu năng định kiểm soát đường dài không có giám sát ATS;*  *+ Tiếp tục huấn luyện chuyển loại sang vị trí kiểm soát đường dài giám sát ATS (số thứ tự 05 Mục 4 Phần C Phụ lục 05), sau đó tham dự sát hạch năng định kiểm soát đường dài giám sát ATS.* | Cục HKVN tiếp thu và soạn thảo dự thảo. |
| **2.** | **Cơ quan Cục HKVN** |  |  |
| 2.1 | Phòng Pháp chế - Hợp tác quốc tế  *(VB số 338/PC-HTQT ngày 31/12/2024 góp ý Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 10/2018/TTBGTVT quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 35/2021/TT-BGTVT)* | Nhất trí với dự thảo Thông tư. | Cục HKVN tiếp thu |
| 2.2 | Thanh tra Hàng không  *(Văn bản số 343/TTHK ngày 31/12/2024 góp ý Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 10/2018/TTBGTVT quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 35/2021/TT-BGTVT)* | Nhất trí với dự thảo Thông tư. | Cục HKVN tiếp thu |
| 2.3 | Phòng Tổ chức cán bộ  *(Văn bản số 290/TCCB ngày 31/12/2024 góp ý Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 10/2018/TTBGTVT quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 35/2021/TT-BGTVT)* | 1. Thống nhất với đề nghị sửa đổi, bổ sung Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT)  2. Đề nghị phòng Quản lý hoạt động bay rà soát, báo cáo Lãnh đạo Cục HKVN những nội dung cần sửa đổi, bổ sung Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT) theo ý kiến của Thanh tra Bộ GTVT. | 1: Đã thống nhất tiếp thu đề nghị sửa đổi, bổ sung Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT để giải quyết ngay nội dung về đào tạo nhân viên không lưu.  2: Cục HKVN sẽ sửa đổi tổng thể Thông tư 10/2018/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 35/2021/TT-BGTVT) theo kết luận Thanh tra Bộ GTVT. |

**Phụ lục 4: Bảng so sánh nội dung quy định của các Thông tư hiện hành và dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung**

*(kèm theo công văn số 35/CHK-QLHĐB ngày 03/01/2025 của Cục HKVN)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thông tư 10/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT** | | | | | | | | **Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung** | | | | | | |
| **B. CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN NĂNG ĐỊNH** | | | | | | | | **B. CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN NĂNG ĐỊNH** | | | | | | |
| **STT** | **Nội dung** | **Thời lượng tối thiểu**  **(Tiết)** | **Trong đó** | | | | **Ôn tập kiểm tra** | **STT** | **Nội dung** | **Thời lượng tối thiểu**  **(Tiết)** | **Trong đó** | | | **Ôn tập kiểm tra** |
| **Thực hành** | **Lý thuyết** | | **OJT** | **Thực hành** | **Lý thuyết** | **OJT** |
| **I** | **Nhân viên không lưu** |  |  |  | |  |  | **I** | **Nhân viên không lưu** |  |  |  |  |  |
| 2 | Kiểm soát đường dài | 1600 | 320 | 640 | | 560 | 80 | 2 | Kiểm soát đường dài không có giám sát ATS/có giám sát ATS | 1600 | 320 | 640 | 560 | 80 |
| **C. CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN CHUYỂN LOẠI NĂNG ĐỊNH** | | | | | | | | **C. CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN CHUYỂN LOẠI NĂNG ĐỊNH** | | | | | | |
| **STT** | **Nội dung** | **Thời lượng tối thiểu**  **(Tiết)** | **Trong đó** | | | | **Ôn tập kiểm tra** | **STT** | **Nội dung** | **Thời lượng tối thiểu**  **(Tiết)** | **Trong đó** | | | **Ôn tập kiểm tra** |
| **Thực hành** | | **Lý thuyết** | **OJT** | **Thực hành** | **Lý thuyết** | **OJT** |
| **I** | **Nhân viên không lưu** |  |  | |  |  |  | **I** | **Nhân viên không lưu** |  |  |  |  |  |
| 1 | Từ các vị trí kiểm soát không lưu về vị trí kiểm soát tiếp cận | 355 | 95 | | 160 | 90 | 10 | 1 | Từ các vị trí kiểm soát không lưu về vị trí kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS | 355 | 95 | 160 | 90 | 10 |
| **Thông tư 10/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT** | | | | | | | | **Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung** | | | | | | |
| 2 | Từ vị trí kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS sang vị trí kiểm soát tiếp cận giám sát ATS | 220 | 40 | | 80 | 90 | 10 | 2 | Từ vị trí kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS sang vị trí kiểm soát tiếp cận giám sát ATS | 220 | 40 | 80 | 90 | 10 |
| 4 | Từ các vị trí kiểm soát không lưu về vị trí kiểm soát đường dài | 390 | 80 | | 120 | 180 | 10 | 4 | Từ các vị trí kiểm soát không lưu về vị trí kiểm soát đường dài không có giám sát ATS | 390 | 80 | 120 | 180 | 10 |
| 5 | Từ vị trí kiểm soát đường dài không có giám sát ATS sang vị trí kiểm soát đường dài giám sát ATS | 220 | 40 | | 80 | 90 | 10 | 5 | Từ vị trí kiểm soát đường dài không có giám sát ATS sang vị trí kiểm soát đường dài giám sát ATS | 220 | 40 | 80 | 90 | 10 |
|  | | | | | | | | | *Ghi chú:*  - Đối với nhân viên không lưu chuyển loại từ các vị trí kiểm soát không lưu sang vị trí kiểm soát tiếp cận giám sát ATS:  *+ Huấn luyện chương trình tại số thứ tự 01 Mục 4 Phần C Phụ lục 05: Huấn luyện lý thuyết và thực hành, sau đó ôn tập và kiểm tra; không thực tập tại vị trí làm việc (OJT) do hiện tại không có môi trường thực tập OJT; không yêu cầu năng định kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS;*  *+ Tiếp tục huấn luyện chuyển loại sang vị trí kiểm soát tiếp cận giám sát ATS tại số thứ tự 02 Mục 4 Phần C Phụ lục 05, sau đó tham dự sát hạch năng định kiểm soát tiếp cận giám sát ATS.*  - Đối với nhân viên không lưu chuyển loại từ các vị trí kiểm soát không lưu sang vị trí kiểm soát đường dài giám sát ATS:  *+ Huấn luyện chương trình tại số thứ tự 04 Mục 4 Phần C Phụ lục 05: Huấn luyện lý thuyết và thực hành, sau đó ôn tập và kiểm tra; không thực tập tại vị trí làm việc (OJT) do hiện tại không có môi trường thực tập OJT; không yêu cầu năng định kiểm soát đường dài không có giám sát ATS;*  *+ Tiếp tục huấn luyện chuyển loại sang vị trí kiểm soát đường dài giám sát ATS tại số thứ tự 05 Mục 4 Phần C Phụ lục 05, sau đó tham dự sát hạch năng định kiểm soát đường dài giám sát ATS.* | | | | | |